TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **TP. HÀ NỘI** **--------** Bản án số: 47/2019/DSST Ngày: 24/10/2019 *V/v: Tranh chấp đòi nợ*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- ★★★ ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Phan Thanh Hà***

Các Hội thẩm nhân dân: ***Bà Nguyễn Thị Cúc***

Ông Đoàn Xuân Miễn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Hà My -** *Cán bộ TAND quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà nội.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Linh**– Kiểm sát viên

Ngày 24/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 85/2019/TLST-DSST ngày 01/8/2019 về việc: "Tranh chấp đòi nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXX-ST ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **bà Trịnh Thị T** - sinh năm: 1971 (có mặt)

Trú tại: Hoàng Công C, phường Phú D, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: - **Bà Nguyễn Thị Thu T1**(vắng mặt)

- **chị Nguyễn Thị Diệu L** (vắng mặt)

Cùng trú tại: Yên Bái II, phường Phố H, Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2019 và các lời khai tiếp theo,nguyên đơn là bà Trịnh Thị T trình bày:

Tôi, bà T1 và chị L có quan hệ là hàng xóm cùng khu với nhau, có quen biết nhau từ trước. Gia đình nhà tôi có mở cửa hàng bán vàng bạc, trang sức. Do mối quan hệ quen biết nên bà T1 cũng như chị L đã đến nhà tôi nhiều lần để hỏi vay tiền. Cụ thể như sau:

Ngày 04/3/2018, bà T1 có vay của tôi số tiền là 50.000.000đ; Các ngày 25/3/2018; ngày 27/3/2018; ngày 30/3/2018; ngày 03/4/2018 và ngày 05/4/2018 với tổng số tiền vay là 145.000.000đ. Sau khi vay bà T1 đã trả cho tôi số tiền

16.450.000đ. Đến nay còn nợ số tiền là 128.550.000đ. Nay tôi yêu cầu đề nghị bà T1 phải có trách nhiệm trả tôi số tiền trên. Khi cho vay, giữa tôi và bà T1 có viết giấy nhận nợ với nhau, trong giấy nhận nợ có ghi cả lãi suất và hẹn ngày trả nhưng bà T1 đã không thực hiện, tôi đã phải nhiều lần đến nhà bà T1 đòi nợ, nhưng bà T1 đã khất lần, không những thế còn chửi bới và đe dọa tôi. Nay tôi yêu cầu bà T1 trả tôi phần gốc, tôi không yêu cầu lãi suất.

Ngoài ra, con gái bà T1 là chị Nguyễn Thị Diệu L còn vay của tôi cụ thể như sau: Ngày 10/3/2018, vay 50.000.000đ; Ngày 06/4/2018, vay 10.000.000đ; ngày 07/5/2018, vay 7.000.000đ. Tổng cộng: 67.000.000đ. Từ khi vay, chị L mới trả tôi 2.000.000đ, nay còn nợ 65.000.000đ. Tất cả những lần vay này đều có giấy tờ viết tay nhận nợ và thỏa thuận về lãi suất, hẹn ngày trả. Tôi cũng đã nhiều lần đến nhà đòi nợ nhưng chị L không những không trả còn nói những lời khó nghe. Nay, tôi yêu cầu chị L trả tôi số tiền gốc, tôi không yêu cầu lãi. Ngoài ra tôikhông có yêu cầu, đề nghị gì khác, không còn bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác để nộp cho Toà án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L:đã đượcTòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, giấy báo các Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/QĐXX-ST ngày 16/9/2019, để yêu cầu bà T1 và chị L đến Tòa án làm việc, nhưng bà T1 và chị L không đến làm việc để thể hiện ý kiến của mình. Tại phiên tòa ngày 30/9/2019, vắng mặt bà T1 và chị L không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 24/10/2019 và đã được tống đạt hợp lệ.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kiện đối với bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L. Buộc bà T1 phải trả cho bà T tổng số tiền là: **128.550.000đ** và chị Nguyễn Thị Diệu L phải trả cho bà T số tiền là **65.000.000đ**. Ngoài ra bà T không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ điều 198 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật Tố tụng Dân sự.Việc Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn, là phù hợp quy định tại Điều 227 - BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền là:**128.550.000đ** và buộc chị Nguyễn Thị Diệu L phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền **65.000.000đ**.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

+Bà Trịnh Thị T không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả bà Thê số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn***, các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp đòi nợ*". Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú tạiYên Bái II, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo quy định tại Điều 26, 27, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} ***Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn***: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xác định việc ra bản án vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 207 và điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} ***Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng:*** Bà Trịnh Thị T với bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L cùng ký giấy nhận nợ là có thật. Các bên thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, giấy nhận nợ có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

{4} ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn***, căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại các giấy nhận nợ, có chữ ký của bị đơn trong những lần nhận tiền và trả tiền, cụ thể:Ngày 04/3/2018, bà T1 có vay của bà T số tiền là 50.000.000đ; Các ngày 25/3/2018; ngày 27/3/2018; ngày 30/3/2018; ngày 03/4/2018 và ngày 05/4/2018 với tổng số tiền vay là: 145.000.000đ. Sau khi vay bà T1 đã trả cho bà T số tiền 16.450.000đ. Đến nay còn nợ số tiền là 128.550.000đ.

Ngoài ra, con gái bà T1 là chị Nguyễn Thị Diệu L còn vay của bà T cụ thể như sau: Ngày 10/3/2018, vay 50.000.000đ; Ngày 06/4/2018, vay 10.000.000đ; ngày 07/5/2018, vay 7.000.000đ. Tổng cộng: 67.000.000đ. Sau khi vay, chị L mới trả cho bà T 2.000.000đ, nay còn nợ 65.000.000đ.

Xét: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ nêu trên là có căn cứ. Nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền là 128.550.000đ và buộc chị Nguyễn Thị Diệu L phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền là 65.000.000đ.

Về án phí:Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu án phí DSST. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy địnhtại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; Điều 144; 147; Điều 228; điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; 466; 468 và Điều 470 - Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu Lvề việc: "Tranh chấp đòi nợ".

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 128.550.000đ (*một trăm hai tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).*

- Buộc chị Nguyễn Thị Diệu L phải thanh toán trả cho bà Trịnh Thị T số tiền là 65.000.000đ (*sáu lăm triệu đồng chẵn).*

-Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án.

Về án phí:

- Buộcbà Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 6.427.000đ án phí DSST.

- Buộc chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu 3.250.000đ án phí DSST.

- Hoàn trả bà Trịnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ theo biên lai số AA/2017/02628 ngày 30/7/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (bà Trịnh Thị T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị Thu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu L)có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND quận Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thanh Hà